

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/DS-ST

Ngày 29-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Cán bộ TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2019/TLST- DS, ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Hoàng L**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 4, tổ 2, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Trần H**, sinh năm 1978

Trú tại: Số nhà 5, tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng L trình bày:

Ngày 28/4/2017 ông L có cho chị Trần H vay số tiền gốc 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*). Khi vay tiền chị H có viết giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn trả tiền vào ngày 28/5/2017, có bà Hoàng T (là vợ ông L) và ông Trương K (hàng xóm nhà ông L) ký người làm chứng. Quá thời hạn trả tiền, chị H không thực hiện đúng thỏa thuận, ông L đã đòi nhiều lần nhưng không được và chị H tránh mặt, không nghe điện thoại của ông L. Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc chị Trần H phải trả cho ông số tiền gốc là 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*), ông L không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn chị Trần H trình bày: Do chị có quen biết ông Hoàng L vào thời gian gia đình chị có việc và nhờ ông L đến cúng, chị có nhờ ông L sang khẩn mở phủ trình đồng nên vào ngày 28/4/2017 chị có vay số tiền gốc 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*)

của ông L. Khi vay tiền chị có viết giấy vay tiền cho ông L, hai bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn trả tiền vào ngày 28/5/2017. Vì điều kiện khó khăn nên chị không trả đủ cho ông L số tiền đã vay trong thời gian 01 tháng mà chị chỉ trả được 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*). Đầu năm 2018 ông L có cho cháu tên là C đến đòi tiền và chị đã trả thêm cho ông L (đưa cho anh C) số tiền 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*). Đến ngày 06/6/2019 có người tự xưng là H1 (cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T) gọi chị H đến quán cà phê nói chuyện và chị đã đưa tiền trả cho ông L là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*). Chị H hẹn 01 tháng sau trả nốt tiền còn nợ là 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*). Nhưng điều kiện khó khăn nên chị H chưa thanh toán khoản tiền này cho ông L được. Chị xác định chị chỉ còn nợ ông L số tiền 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) và chị nhất trí trả số tiền này cho ông L.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Kết quả thể hiện: Những người làm chứng ký tên trong giấy vay tiền ngày 28/4/2017 do chị Trần H viết đều xác nhận có chứng kiến việc chị H vay tiền của ông Trần L; Bà Hoàng T xác nhận bà không được nhận hay chứng kiến việc chị H đã trả tiền cho ông L. Anh Vũ H1 xác nhận, anh là hàng xóm của ông Hoàng L, anh có biết việc chị H là giáo viên vay tiền của ông L nhưng không trả và có lần anh nhắn tin và gọi điện động viên chị H trả tiền cho ông L, Anh không biết chị H có trả tiền cho ông L hay không và cũng không được chứng kiến việc chị H trả tiền cho ông L.

Tòa án cũng đã ra quyết định yêu cầu chị Trần H cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc chị đã trả số tiền 9.000.000đồng (*chín triệu đồng*) cho ông Hoàng L, chị H đã cung cấp địa chỉ của anh Vũ H1 và 03 tờ giấy A4 có nội dung “*Mai em rút t trả nốt cho ông lý nhé*”; “*Cho nó nhẹ đầu dứt điểm 1 chỗ này đi em*”; “*Trưa mai a sẽ thông báo vs ông lý rồi chiều tranh thủ a alo em*” “*ok*”; “*Em sai hẹn quá nhiều ngày rồi. Bjo a đành để trường hợp của em giải quyết theo pháp luật nhé. A ko thể hòa giải giúp dc em nữa, thông cảm cho a nhé*”. Theo chị H trình bày: Đây là các tin nhắn của anh H1 (người tự xưng là cán bộ Tòa án) gửi đến cho chị để đòi tiền của chị nợ ông L. Ngoài tài liệu trên, chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác.

Tại phiên tòa, ông Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chị Trần H có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*), ông L không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

Chị Trần H trình bày: Chị có vay tiền như trong giấy vay tiền ngày 28/4/2017 mà chị viết cho ông L là đúng. Tuy nhiên chị vẫn giữ ý kiến là đã trả tiền cho ông L 03 lần với tổng số tiền 9.000.000đồng (*chín triệu đồng*) và chị chỉ còn nợ ông L số tiền 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của

đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng L về việc yêu cầu chị Trần H thanh toán cho ông L số tiền gốc 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

- Về án phí: Chị Trần H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 28/4/2017 ông Hoàng L cho chị Trần H vay số tiền 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*). Khi vay tiền chị H có viết và ký giấy vay tiền, thời hạn trả tiền vào ngày 28/5/2017. Quá thời hạn trên, chị H không thanh toán cho ông L, ngày 25/9/2019 ông L gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án. Như vậy, việc ông L khởi kiện đối với chị H là nằm trong thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo Điều 429 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung tại giấy vay tiền thể hiện, giữa ông L và chị H đã thỏa thuận cho nhau vay tài sản là tiền và thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Như vậy, Giấy vay tiền này là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Do đó tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Ông Hoàng L yêu cầu chị Trần H thanh toán số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 28/4/2019. Chị H thừa nhận chị có vay khoản tiền này và chị là người viết giấy vay tiền cho ông L. Song chị H khai, chị đã trả tiền cho ông L làm 03 lần với tổng số tiền là 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) nên chị chỉ chấp nhận trả cho ông L số tiền còn thiếu là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), nhưng chị H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ và hợp pháp. Đối với các nội dung mà chị H cho rằng là tin nhắn của anh Vũ H1 gửi cho chị qua điện thoại, chị đã in ra 03 tờ giấy A4 nộp đến Tòa án là bằng chứng chị đã trả số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho ông L mà anh H1 có chứng kiến. Tòa án đã lấy lời khai của anh H1 nhưng anh H1 khẳng định chỉ nhắn tin, gọi điện động viên chị H mà không chứng kiến việc chị H trả tiền cho ông L. Lời khai của anh H1 phù hợp với chứng cứ mà chị H giao nộp cho Tòa án (nội dung tin nhắn không thể hiện việc anh H1 nhận tiền hay chứng kiến việc chị H trả số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho ông L). Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng L về việc buộc chị Trần H phải thanh toán cho ông L số tiền gốc 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

Ông L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trường hợp chị H chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí:

Chị Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của ông Hoàng L được Toà án chấp nhận.

Ông Hoàng L không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 161, 162, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng L.

- Buộc chị Trần Ngọc Hoa có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng L số tiền gốc 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Trần H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Hoàng L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang

